TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 88/2022/DS-ST Ngày 04 - 8 - 2022 V/v: "*Tranh chấp đòi lại tài sản".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung, ông Lê Văn Tập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Muôn – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 03 năm 2022, về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2022/QĐST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Mai Thị Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lưu Văn C, sinh năm 1984; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng Nguyên đơn bà Mai Thị Q trình bày:

Bà Mai Thị Q có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N.

Do có nhu cầu cần tiền làm ăn nên vợ chồng ông Lưu Văn C, Bà Nguyễn Thị N đã vay của bà Mai Thị Q số tiền tổng cộng là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Cụ thể như sau:

Ngày 07/4/2018, ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N vay của bà Mai Thị Q số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 20/12/2018; Ngày

25/10/2018, ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N vay tiếp của bà Mai Thị Q số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 12/11/2018; Đến ngày 12/11/2018, bà Nguyễn Thị N vay tiếp của bà Mai Thị Q số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 27/11/2018.

Từ ngày vay đến nay, vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N đã trả cho bà Mai Thị Q số tiền vay gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Còn nợ lại số tiền vay gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Nguyện vọng của bà Mai Thị Q là yêu cầu vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N trả cho Bà Q số tiền nợ gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Bà Q không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N thừa nhận vợ chồng bà N, ông C có vay của Bà Q tổng cộng số tiền là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Cụ thể như sau:

Ngày 07/4/2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C vay của Bà Q số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 20/12/2018; Ngày 25/10/2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C vay của Bà Q số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 12/11/2018. Đến ngày 12/11/2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C vay của Bà Q số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 27/11/2018.

Do việc làm ăn không thuận lợi nên từ ngày vay đến nay, vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C mới trả được cho Bà Q số tiền vay gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Hiện còn nợ lại 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc.

Nay Bà Q khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C ra tòa án yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C trả cho Bà Q số tiền vay gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C có nguyện vọng đồng ý trả cho Bà Q số tiền vay gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C xin Bà Q cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C được trả dần số tiền này.

- Ngoài ra, các bên đương sự không trình bày gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng bị đơn ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Mai Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền nợ gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu bị đơn phải trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện các

quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C không tham gia làm việc theo giấy triệu tập và không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C trả cho Nguyên đơn bà Mai Thị Q số tiền nợ gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C trả số tiền vay từ năm 2018 nên xác định quan hệ giải quyết trong vụ án là*"Tranh chấp đòi lại tài sản"*. Bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C cư trú tại địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C vắng mặt lần thứ 2, không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình thu thập chứng cứ các bên đương sự thừa nhận: Vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C có vay của bà Mai Thị Q tổng cộng số tiền là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Cụ thể như sau: Ngày 07/4/2018, vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 20/12/2018; Ngày 25/10/2018, vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 12/11/2018; Ngày 12/11/2018, vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hẹn trả vào ngày 27/11/2018. Do việc làm ăn không thuận lợi nên từ ngày vay đến nay, vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C đã trả cho Bà Q số tiền vay gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Hiện còn nợ lại 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc nay xin trả dần số tiền này, nhưng không được Bà Q chấp thuận. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thực, không cần phải chứng minh.

Xét thấy, từ ngày vay đến nay, vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C mới thanh toán cho bà Mai Thị Q 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền vay gốc, còn nợ lại 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc. Như vậy, bị đơn đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ của thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 275, 278, 280 và Điều 288 của Bộ luật dân sự. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C phải chịu trách

nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Q số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)* là có căn cứ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

[5] Bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 166, 275, 278, 280, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Mai Thị Q.

1. Buộc ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N trả cho bà Mai Thị Q số tiền nợ gốc là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Bà Mai Thị Q không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị N phải nộp 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch *(theo mức:* 35.000.000đ x 5%*).*

Hoàn trả cho bà Mai Thị Q 1.875.000đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Do ông Phan Công T nộp thay) theo biên lai thu số AA/2021/0012399, ngày 04/3/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.